TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2026/HS-ST
Ngày: 03/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông: ALăng Ping.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Hồ Xuân Ngân;
Ông: Phan Văn Đạt;

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà: Lê Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà: Võ Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Phạm Quang S; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Sinh ma le. Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1980 tại xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Trung B (đã chết) và bà Đoàn Thị Minh T (sinh năm 1942); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 30/12/2005 có hành vi Gây rối trật tự công cộng, bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam phạt tiền 200.000 đồng (Quyết định số 12/QĐ-XPHC ngày 16/02/2006); Ngày 29/6/2017 bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 09 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ" (Bản án 134/2017/HS-PT); Ngày 04/7/2018 bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính số tiền 3.500.000 đồng về hành vi "Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác" (Quyết định số 184/QĐ-XPHC); Ngày 20/7/2018 bị Công an Thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, xử phạt hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi "Gây mất trật tự khu dân cư" (Quyết định số 31/QĐ-XPHC); Ngày 15/8/2018 bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, xử phạt hành chính số tiền 300.000 đồng về hành vi "Gây mất trật tự khu dân cư" (Quyết định số 36/QĐ-XPHC); Ngày 04/10/2018 bị Toà án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng (Quyết định số 04/QĐ-TA); Ngày 30/3/2021 bị Toà án nhân

huyện Đ, tỉnh Quảng Nam quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng (Quyết định số 04/QĐ-TA);

Bị cáo có vợ (nhưng đã ly hôn) và có 02 con (sinh năm 2015 và sinh năm 2017);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/7/2025, sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 18/7/2025. (Có mặt).

2. Nguyễn Văn T1; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 tại xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K (sinh năm 1943) và bà Trần Thị V (sinh năm 1949); Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 31/10/2016 bị Toà án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 18 tháng (Quyết định số 06/QĐ-TA); Ngày 22/12/2021 bị UBND Thị trấn Á1, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường trong thời hạn 6 tháng (Quyết định số 47/QĐ-XPHC); Ngày 01/6/2023 bị Toà án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 11 tháng 8 ngày về tội "Đánh bạc" (Bản án số 29/2023/HS-ST);

Bị cáo có vợ tên Trần Thị Yến L (sinh năm 1985) và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2019).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2025, sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 18/7/2025. (Có mặt).

3. Trần Vĩnh T2; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Cườm; Sinh ngày 24 tháng 06 năm 1992 tại xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quang D (sinh năm 1954) và bà Lê Thị P (sinh năm 1954; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo chưa có vợ con;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2025, sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 18/7/2025. (Có mặt).

4. Hoàng Thị Hàn V1; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 26 tháng 06 năm 1983 tại xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Đức T3 (đã chết) và bà Đỗ Thị Lệ A (sinh năm 1957); Tiền án: không; Tiền sự: ngày 17/4/2025 bị Công an thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý" (đã chấp hành nộp phạt).

Nhân thân: Ngày 11/11/2018 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng tuyên phạt 3 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" (Bản án số 115/2018/HS-ST); Ngày 22/12/2020 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng (Quyết định số 121/2020/QĐ-TA).

Bị cáo có chồng Phạm Bá V2 (đã chết) và có 02 con (sinh năm 1998 và sinh năm 2006).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/7/2025, sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 18/7/2025. (Có mặt).

5. Lê Quốc H; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: N; Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1989 tại xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Hữu K1 (đã chết) và bà Quách Thị C (sinh năm1959).

Tiền án: Ngày 08/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc tuyên phạt 3 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 17/2019/HS-ST); Ngày 30/11/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 56/2022/HS-ST).

Tiền sự: Ngày 17/4/2025 bị Công an thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý" (Quyết định số 26/QĐ-XPHC);

Nhân thân: Ngày 04/12/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 30 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (Bản án số 55/2009/HS-ST); Ngày 26/9/2012 bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Cố ý gây thương tích".

Bị cáo có vợ (nhưng đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2013.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/8/2025, sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 05/9/2025. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1943; trú tại thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

2/ Ông Hoàng Phi L1, sinh năm 1982 và bà Phạm Thị Hồng H1, sinh năm 1983 (là vợ chồng); trú tại thôn H, xã H, thành phố Đà Nẵng. (bà Phạm Thị Hồng H1 vắng mặt, ông Hoàng Phi L1 có mặt).

3/ Ông Nguyễn Đắc H2, sinh năm 1993; trú tại thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

4/ Ông Nguyễn Đức T4, sinh năm 1993; trú tại thôn Đ, xã H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: khoảng 13 giờ 30 ngày 09/7/2025, tại nhà Nguyễn Văn T1 (thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng) có Trần Vĩnh T2 và Phạm Quang S đang ngồi chơi. Tại đây, S rủ T1, T2 cùng sử dụng ma tuý thì cả hai đồng ý. Sinh nói T2 liên hệ mua 200.000 đồng ma túy đá. T2 dùng điện thoại của mình gắn sim số 0935.979.792 gọi cho Lê Quốc H qua số điện thoại 0904.979.742 (sim số này do Hoàng Thị H3 Vy đứng tên sở hữu) rồi đưa cho S. Sinh nghe máy và trao đổi với H về việc mua 200.000 đồng ma túy đá. Sau khi trao đổi với S, H hỏi Hoàng Thị Hàn V1 còn 200.000 đồng ma túy đá không đem đến nhà T1 bán cho S thì được V1 đồng ý. H điều khiển xe Dream gắn BKS: 43K5-6303 (xe này do Nguyễn

Công D1 đứng tên chủ sở hữu) chở V1 cầm ma túy đá (đựng trong đoạn ống hút nhựa) đến nhà T1 đưa cho S. Tại nhà T1, S nhận ma túy và đưa cho V1 500.000 đồng, V1 thối trả lại cho Sinh 300.000 đồng. S cầm ống ma tuý đưa cho T2 rồi rủ V1 và H vào phòng T1 để cùng nhau sử dụng. Khi vào phòng, T2 lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của T1 để trong góc phòng mang ra đặt giữa phòng bỏ ma túy vào rồi dùng bật lửa hơ nóng để mọi người sử dụng. Sinh sử dụng trước rồi đến T1, V1, H và T2. Sau khi sử dụng ma túy, T2 đi về trước còn S, T1, V1 và H đang tiếp tục sử dụng. Cùng lúc này, lực lượng Công an đến phát hiện thì H và T1 bỏ chạy, T1 cầm theo ống thủy tinh trong bộ cụng cụ, trên đường đi thì vứt bỏ còn S và V1 đang ở tại hiện trường. Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, kiểm tra hiện trường, thu giữ tang vật và tiến hành đưa V1, S về trụ sở để làm việc. Đến ngày 16/7/2025 và ngày 28/8/2025, T1, T2 và H lần lượt đến Công an xã Đ, Công an xã H, thành phố Đà Nẵng đầu thú khai nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý và mua bán trái phép chất ma túy như nêu trên.

Kết quả thử test nhanh chất ma túy: Phạm Quang S và Hoàng Thị H3 Vy ngày 09/7/2025 dương tính với ma tuý đá (Methamphetamine); Nguyễn Văn T1, Trần Vĩnh T2 ngày 16/7/2025 dương tính với ma tuý đá (Methamphetamine).

Về nguồn gốc ma túy mà V1 bán cho S, V1 khai nhận: ngày 08/07/2025, V1 đến khu vực gần cầu V (thuộc phường Đ, TP Đà Nẵng) mua của một người tên S1 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) 200.000 đồng. Sau đó, V1 đem về nhà lấy một ít để sử dụng, phần còn lại V1 cất trong người. Đến ngày 09/7/2025, V1 bán số ma tuý còn lại cho Phạm Quang S với giá 200.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 545/KT-KTHS ngày 17/7/2025 và kết luận giám định số 572/ KT-KTHS ngày 24/7/2025 xác định: Phạm Quang S, Hoàng Thị Hàn V1, Trần Vĩnh T2, Nguyễn Văn T1 dương tính với ma túy, loại Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 546/KL-KTHS ngày 17/7/2025 của Phòng K2 Công an T6: các hạt nhỏ màu trắng bám dính trong ống nhựa trong suốt có chiều dài 1,5cm trong bì niêm phong ký hiệu T1 là ma tuý, loại Methamphetamine. Không xác định được khối lượng các hạt nhỏ màu trắng của mẫu T1; chất rắn màu nâu trắng trong nỏ thủy tinh ở bì niêm phong ký hiệu T2 gửi giám định là ma tuý, loại: Methamphetamine. Khối lượng mẫu T2: 0,079 gam.

Vụ thứ hai: khoảng 22 giờ 45 phút ngày 14/8/2025, Công an xã H tuần tra phát hiện Lê Quốc H điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ, BKS: 43S9-6591 (xe này của vợ chồng anh Hoàng Phi L1, sinh năm 1982, trú tại: thôn H, xã H, thành phố Đà Nẵng mua lại nhưng chưa sang tên sở hữu) đến bãi đất trống thuộc thôn T, xã H có biểu hiện khả nghi nên đã yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện, thu giữ trên người H: 01 kéo bằng kim loại, màu bạc, loại gấp gọn; 01 đoạn hút nhựa trong suốt dài 01cm, được hàn kín 1 đầu, bên trong rỗng ruột; 02 nhíp kim loại màu trắng. Tại nền đất ngay vị trí đứng của H phát hiện 02 gói ni lông trong suốt được hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy. H khai nhận do có nhu cầu sử dụng ma túy nên sáng ngày 14/8/2025 đã liên hệ, gặp trực tiếp người phụ nữ tên H4 (không rõ lai lịch) tại khu vực chợ L2 thuộc xã Đ mua 02 gói ma túy đá với giá 1.000.000 đồng. H cất giấu ma túy vào trong túi

quần đang mặc về nhà chờ đến tối để sử dụng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H cầm 02 gói ma túy nói trên tay điều khiển xe mô tô BKS: 43S9-6591 đến bãi đất trống nêu trên để sử dụng. Khi H đến địa điểm sử dụng thì bị Công an xã H phát hiện, H hoảng sợ vứt 02 gói ma túy xuống đất và Công an lập biên bản phạm tội quả tang đối với H về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tuy nhiên đến ngày 24/10/2025 và các biên bản hỏi cung sau đó, Lê Quốc H thay đổi lời khai, theo đó H khai nhận 02 gói ma túy mà công an thu giữ là do H mua về nhằm mục đích chia nhỏ để bán lấy tiền tiêu xài. H chuẩn bị bán 01 gói ma túy cho người tên H5 (không rõ lai lịch) với giá 300.000 đồng, gói còn lại H tiếp tục chia nhỏ để bán nhưng chưa kịp thì bị công an phát hiện thu giữ, lời khai của H phù hợp tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ.

Tại Kết luận giám định số 830/KL-KTHS ngày 05/9/2025 của Phòng K2 Công an thành phố T6 kết luận: tinh thể màu trắng ký hiệu A, B gửi giám định đều là ma túy, loại: Methamphetamine; khối lượng tinh thể rắn màu trắng mẫu A: 0,229 gam; mẫu B: 1,336 gam. Tổng cộng: 1,565 gam.

* Về tạm giữ và xử lý vật chứng:

- 01 đoạn ống nhựa, chiều dài 1,5cm trong suốt có bám tinh thể rắn nghi là ma túy được niêm phong ký hiệu T1;

- 01 chai nước suối hiệu Đảnh Thạnh có đục 2 lỗ, có 01 lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng;

- 01 bật lửa màu xanh của Trần Vĩnh T2;

- 01 xe mô tô hiệu Honda Dream gắn BKS: 43K5-6303, số khung: RLHHA0604WY226818, số máy: HA05E0226849. Trên xe treo 01 bao ni lông có dòng chữ CUULONG, bên trong gồm: 02 đoạn ống nhựa màu trắng; 01 nắp nhựa có 2 lỗ tròn; 01 tẩu thủy tinh có chất bám dính chất rắn nghi là ma túy được niêm phong trong bì thư, ký hiệu T2;

- 01 điện thoại di động hiệu Realme, màu xanh, bên trong gắn sim số 0935979792 của Trần Vĩnh T2;

- 01 cái kéo bằng kim loại màu bạc, gấp gọn;

- 01 đoạn ống nhựa trong suốt, dài 01cm, có 01 đầu hàn kín, 01 đầu hình tròn rỗng ruột;

- 02 nhíp bằng kim loại màu trắng;

- 01 túi ni lông kích thước 1,5cm, được bọc kín 2 đầu, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy;

- 01 túi ni lông kích thước 3,5cm, được bọc kín 2 đầu, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy;

- Số tiền 1.530.000 đồng và 800.000 đồng gồm nhiều mệnh giá khác nhau;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số IMEI 1: 869511067854899, số IMEI 2: 869511067854881, bên trong gắn sim số 0904.979.742;

- 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ, BKS: 43S9-6591.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSKV11-HS ngày 12/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng truy tố bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) (Viết tắt là BLHS); bị cáo Lê Quốc H về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm a, b, q

khoản 2 Điều 251 BLHS; các bị cáo Phạm Quang S, Nguyễn Văn T1 và Trần Vĩnh T2 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố. Qua xem xét tính chất của vụ án, động cơ, mục đích thực hiện hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a, b, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Quốc H. Tuyên bố bị cáo Lê Quốc H phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy*". Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Quốc H từ 10 (Mười) năm đến 12 (Mười hai) năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Hoàng Thị Hàn V1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 từ 08 (T) đến 09 (C) năm tù.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Phạm Quang S, Nguyễn Văn T1, Trần Vĩnh T2. Tuyên bố các bị cáo Phạm Quang S, Nguyễn Văn T1 và Trần Vĩnh T2 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Quang S từ 07 (B) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (T5) năm tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng đến 07 (Bảy) năm 06 (S2) tháng tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Vĩnh T2 từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo. Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề liên quan khác trong vụ án.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố và thống nhất ý kiến luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Nguyễn Văn K, bà Phạm Thị Hồng H1, ông Nguyễn Đắc H2, ông Nguyễn Đức T4), nhưng họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Xét thấy việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên căn cứ Điều 292 Bộ Luật tố tụng hình sự, việc tiến hành xét xử vụ án án là đúng quy định.

[2] Xét về tội danh và định khung hình phạt:

[2.1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định được: Ngày 08/7/2025 bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 mua 01 gói ma túy đá (loại Methamphetamine) với giá 200.000 đồng của một người tên S1 (không rõ nhân thân, lai lịch) tại phường Đ, thành phố Đà Nẵng, về sử dụng một ít, phần còn lại cất giấu trong người. Khoảng 13 giờ 30 ngày 09/7/2025, tại nhà bị cáo Nguyễn Văn T1 (thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng) có bị cáo Trần Vĩnh T2 và bị cáo Phạm Quang S đang ngồi chơi. Tại đây, bị cáo S rủ các bị cáo T1, T2 cùng sử dụng ma tuý thì cả hai đồng ý. Bị cáo S nói bị cáo T2 liên hệ mua 200.000 đồng ma túy đá thì bị cáo T2 liền dùng điện thoại của mình gắn sim số 0935.979.792 gọi cho bị cáo Lê Quốc H qua số điện thoại 0904.979.742 (sim số này do Hoàng Thị H3 Vy đứng tên sở hữu) rồi đưa điện thoại cho bị cáo S nói chuyện. Bị cáo S nghe máy và trao đổi với bị cáo H về việc mua ma túy đá số tiền 200.000 đồng. Sau đó bị cáo Hoàng H6 và trao đổi với bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 về việc bán ma túy đá cho bị cáo S thì được bị cáo V1 đồng ý. Bị cáo H điều khiển xe Honda Dream gắn BKS: 43K5-6303 chở bị cáo V1 đến nhà bị cáo T1 để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Mua xong, bị cáo S cầm ống ma tuý đưa cho bị cáo T2, rồi rủ luôn cả bị cáo V1 và H vào phòng bị cáo T1 để cùng nhau sử dụng. Bị cáo T2 lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của bị cáo T1 để trong góc phòng mang ra đặt giữa phòng bỏ ma túy vào, rồi dùng bật lửa đốt nấu ma túy để mọi người sử dụng. Bị cáo S sử dụng trước rồi đến các bị cáo T1, V1, H và T2. Sau khi sử dụng ma túy, bị cáo T2 đi về trước còn lại các bị cáo S, T1, V1 và H đang tiếp tục sử dụng. Cùng lúc này, lực lượng Công an xã Đ đến phát hiện, thì bị cáo H và T1 liền bỏ chạy, còn bị cáo S và V1 bị bắt tại hiện trường. Đến ngày 16/7/2025 các bị cáo T1, T2 lần lượt đến Công an xã Đ, thành phố Đà Nẵng đầu thú khai nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý.

Riêng bị cáo Lê Quốc H sau khi chạy trốn, đến khoảng 22 giờ 45 phút ngày 14/8/2025 tại bãi đất trống thuộc thôn T, xã H, bị Công an xã H tiến hành kiểm tra phát hiện, thu giữ trên người bị cáo Lê Quốc H: 01 kéo bằng kim loại, màu bạc, loại gấp gọn; 01 đoạn hút nhựa trong suốt dài 01cm, được hàn kín 1 đầu, bên trong rỗng ruột; 02 nhíp kim loại màu trắng; Tại nền đất ngay vị trí đứng của bị cáo H phát hiện 02 gói ni lông trong suốt được hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy, nên lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ các tang vật. Đến ngày 28/8/2025 bị cáo H đến Công an xã Đ đầu thú. Quá trình điều tra, bị cáo H khai nhận hành vi bàn bạc, trao đổi thống nhất việc bán ma túy cùng

bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 vào ngày 09/7/2025 tại nhà bị cáo T1 và hành vi tàng trữ 02 gói ma túy đá bị phát hiện tại thôn T, xã H nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội như trên, thì bị cáo H là người đã tái phạm trong bản án chưa xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo phải bị xem xét áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng tái phạm nguy hiểm.

[2.2] Căn cứ vào hành vi của các bị cáo đã thực hiện, căn cứ Bản kết luận giám định, đối chiếu với các quy định của BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết rõ ma túy là chất độc gây nghiện, có nhiều tác hại cho sức khỏe của con người, gây nguy hiểm cho gia đình và xã hội, biết Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi trái phép liên quan đến ma túy, nhưng vì để kiếm tiền bất chính và để thỏa mãn cơn nghiện các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện các hành vi vi phạm như trên. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Quốc H phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm a, b, q khoản 2 Điều 251 BLHS; bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 251 BLHS; các bị cáo Phạm Quang S, Nguyễn Văn T1 và Trần Vĩnh T2 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS. Bản cáo trạng truy tố và ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án, động cơ, mục đích, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:

[3.1] Xét về tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, việc mua bán, tổ chức sử dụng và đưa các chất ma túy trái phép vào cơ thể con người là rất nguy hiểm, ảnh hưởng đến sức khỏe, nguy cơ phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật khác, nên cần phải xử lý nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ của hành vi từng bị cáo để răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung cho toàn xã hội.

[3.2] Xét về động cơ, mục đích thực hiện hành vi của các bị cáo: Để thu lợi bất chính và thỏa mãn cơn nghiện.

[3.3] Xét về vai trò của từng bị cáo:

- Trong hành vi *"Mua bán trái phép chất ma túy*": Bị cáo Lê Quốc H phạm tội 02 lần, là người nghe điện thoại trao đổi với bị cáo Phạm Quang S, rồi báo lại cho bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 để trao đổi, bàn bạc, thống nhất bán ma túy, dùng xe chở bị cáo V1 đi bán ma túy; Bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 là người cung cấp ma túy, trao đổi, bàn bạc thống nhất cùng bị cáo Lê Quốc H đi bán ma túy vào ngày 09/7/2025.

- Trong hành vi *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*: Bị cáo Phạm Quang S là người khởi xướng, chủ động tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, yêu cầu bị cáo T2 gọi điện liên hệ bị cáo H, trực tiếp nghe điện thoại nói chuyện trao đổi về việc mua ma túy với H, trả tiền mua ma túy, rủ cả bị cáo V1 và H cùng tham gia sử dụng ma túy; Bị cáo Nguyễn Văn T1 là chủ quản lý nhà, đồng ý sử dụng nơi ở của bị cáo và là người cung cấp các dụng cụ sử dụng trái phép chất

ma túy; Bị cáo Trần Vĩnh T2 là người dùng điện thoại của chính bị cáo T2 để gọi điện cho bị cáo H, là người đổ ma túy vào dụng cụ sử dụng và dùng bật lửa của chính bị cáo T2 để đốt nấu ma túy cho tất cả các bị cáo cùng sử dụng;

[3.4] Tình tiết giảm nhẹ:

- Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS;

- Gia đình các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn: bị cáo S có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, đã ly hôn vợ và có 02 con còn nhỏ; bị cáo T1 có 03 con còn nhỏ; bị cáo T1, T2 và H đầu thú về hành vi phạm tội; gia đình bị cáo T2 có công với nhà nước. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

[3.5] Xét về nhân thân:

Bị cáo Lê Quốc H có nhân thân xấu (có tiền án, tiền sự, đã tái phạm chưa được xóa án tích lại tái phạm, nhiều lần bị xử lý hành chính);

Bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 có nhân thân xấu (có tiền sự bị xử lý hành chính, đã bị xét xử tuyên phạt tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy");

Bị cáo Phạm Quang S có nhân thân xấu (đã bị xét xử tuyên phạt tù về tội "Chống người thi hành công vụ", nhiều lần bị xử phạt hành chính).

Bị cáo Nguyễn Văn T1 có nhân thân xấu (đã bị xét xử tuyên phạt tù về tội "Đánh bạc", nhiều lần bị xử phạt hành chính).

Bị cáo Trần Vĩnh T2 chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét thấy:

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Realme, màu xanh của Trần Vĩnh T2 là phương tiện phạm tội nên tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với: Số tiền 800.000 đồng, trong đó của bị cáo Phạm Quang S 500.000 đồng, của bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 300.000 đồng (hiện đang tạm giữ tại số tài khoản 3949.0.09128710.0000 Kho bạc nhà nước khu vực XIII-Đà Nẵng), đều là phương tiện phạm tội nên nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với: Mẫu vật chất ma túy và vỏ gói hoàn trả sau giám định trong phong bì niêm phong kí hiệu T1, T2 theo Kết luận giám định số 546/KL-HS ngày 17/7/2025 của Phòng K2; 01 chai nước suối hiệu Đảnh Thạnh có đục 2 lỗ, có 01 lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng; 01 bật lửa màu xanh; 01 bao ni lông có dòng chữ CUULONG, bên trong có: 02 đoạn ống nhựa màu trắng, 01 nắp nhựa có 2 lỗ tròn; Mẫu vật chất ma túy và vỏ gói hoàn trả sau giám định trong phong bì niêm phong theo Kết luận giám định số 830/KL-HS ngày 05/9/2025 của Phòng K2; 01 cái kéo bằng kim loại, cán gấp gọn lại được (đã qua sử dụng); 01 ống nhựa trong suốt hình tròn, kích thước khoảng 01cm, có 01 đầu hàn kín; 02 nhíp bằng kim loại; sim số 0904.979.742; sim số 0935979792. Là các công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số IMEI 1: 869511067854899, số IMEI 2: 869511067854881 của ông Nguyễn Đắc H2 cho bị cáo Lê Quốc H mượn sử dụng, ông H2 không biết bị cáo H dùng vào việc phạm tội, nên trả lại cho ông H2 là phù hợp;

- Đối với: 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ, BKS: 43S9-6591 do ông Nguyễn Văn P1 đứng tên đăng ký mô tô, xe máy; nhưng quyền sở hữu hợp pháp là của vợ chồng ông Hoàng Phi L1 và Phạm Thị Hồng H1 (đã mua lại), ông L1 cho bị cáo Lê Quốc Hoàng M và ông L1 không biết bị cáo H dùng vào việc phạm tội, nên trả lại cho ông Hoàng Phi L1 và Phạm Thị Hồng H1 là phù hợp.

- Đối với: 01 xe mô tô hiệu Honda Dream gắn BKS: 43K5-6303, số khung: RLHHA0604WY226818, số máy: HA05E0226849 mà Lê Quốc H sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng chưa xác định được chủ sở hữu, nên Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh điều tra và xử lý sau là đúng quy định.

- Đối với: Số tiền 1.530.000 đồng của bị cáo Lê Quốc H (hiện đang tạm giữ tại số tài khoản 3949.0.09128710.0000 Kho bạc nhà nước khu vực XIII-Đà Nẵng) không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Vấn đề khác:

- Đối với ông Nguyễn Văn K là chủ nhà nơi xảy ra hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý ngày 09/7/2025, ông K giao căn nhà trên lại cho con trai là Nguyễn Văn T1 ở và quản lý. Ông K không biết việc các bị cáo mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố T6 không xử lý là đúng quy định.

- Đối với ông Nguyễn Đắc H2 là người đã cho Lê Quốc H mượn chiếc điện thoại di động hiệu OPPO, số IMEI 1: 869511067854899, số IMEI 2: 869511067854881 để Hoàng gắn sim số 0904.979.742 sử dụng. Ông H2 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của H nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố T6 không đề cập xử lý là đúng quy định.

- Đối với hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"* của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Phạm Quang S, Trần Vĩnh T2, Hoàng Thị Hàn V1, Lê Quốc H: Cơ quan CSĐT Công an T6 chuyển hồ sơ đến Phòng PC04, Công an thành phố T6 để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là đúng quy định.

- Đối với hành vi tàng trữ 0,079 gam ma tuý Methamphetamine của Lê Quốc H, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T6 chuyển hồ sơ đến Phòng PC04, Công an thành phố T6 để xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Quốc H là đúng quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Phi L1 đã cho bị cáo Hoàng M và sử dụng xe mô tô, nhưng không biết về hành vi phạm tội của bị cáo, nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm.

[6] Về quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định pháp luật và phù hợp với tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo. Tuy nhiên, về phần đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Quang S, xét thấy bị cáo Phạm Quang S là người khởi xướng, chủ động tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, yêu cầu bị cáo T2 gọi điện liên hệ bị cáo H, trực tiếp nghe điện thoại nói chuyện trao đổi về việc mua ma túy với bị cáo H, trả tiền mua ma túy, thậm chí rủ thêm cả bị cáo V1 và H cùng tham gia sử dụng

ma túy trái phép; từ đó thấy rõ vai trò của bị cáo S vừa là người quyết định, vừa là nguyên nhân dẫn đến các bị cáo khác cùng phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải xem xét xử phạt bị cáo S thật nghiêm khắc và cao hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ điểm a, b, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Quốc H. Tuyên bố bị cáo Lê Quốc H phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy*". Xử phạt bị cáo Lê Quốc H 11 (*Mười một*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 28/8/2025.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Hoàng Thị Hàn V1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy*". Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Hàn V1 09 (*C*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 10/7/2025.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Phạm Quang S, Nguyễn Văn T1, Trần Vĩnh T2. Tuyên bố các bị cáo Phạm Quang S, Nguyễn Văn T1 và Trần Vĩnh T2 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

Xử phạt bị cáo Phạm Quang S 09 (*Chín*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 10/7/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 07 (*Bảy*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 16/7/2025.

Xử phạt bị cáo Trần Vĩnh T2 07 (*B1*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 16/7/2025.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo trong thời hạn 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/02/2026) để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước đối với các tài sản gồm:

01 (Một) điện thoại di động hiệu Realme, màu xanh của Trần Vĩnh T2 *(Vật chứng đã được giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/12/2025);*

Số tiền 800.000 đồng (T5 trăm nghìn đồng), trong đó của bị cáo Phạm Quang S là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), của bị cáo Hoàng Thị H3 Vy là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). *(Đang tạm giữ tại số tài khoản 3949.0.09128710.0000 Kho bạc nhà nước khu vực XIII-Đà Nẵng).*

- Tịch thu để tiêu hủy: Mẫu vật chất ma túy và vỏ gói hoàn trả sau giám định trong phong bì niêm phong kí hiệu T1, T2 theo Kết luận giám định số 546/KL-HS ngày 17/7/2025 của Phòng K2; 01 (Một) chai nước suối hiệu Đảnh Thạnh có đục 2 lỗ, có 01 lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng; 01 (Một) bật lửa màu

xanh; 01 (Một) bao ni lông có dòng chữ CUULONG, bên trong gồm: 02 đoạn ống nhựa màu trắng, 01 nắp nhựa có 2 lỗ tròn; Mẫu vật chất ma túy và vỏ gói hoàn trả sau giám định trong phong bì niêm phong theo Kết luận giám định số 830/KL-HS ngày 05/9/2025 của Phòng K2; 01 (Một) cái kéo bằng kim loại màu bạc, cán gấp gọn lại được (đã qua sử dụng); 01 (Một) đoạn ống nhựa trong suốt hình tròn, kích thước khoảng 01cm, có 01 đầu hàn kín, 01 đầu hình tròn rỗng ruột; 02 (Hai) nhíp bằng kim loại; sim số 0904.979.742; sim số 0935979792. *(Vật chứng đã được giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/12/2025).*

- Tuyên trả cho ông Nguyễn Đắc H2: 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO, số IMEI 1: 869511067854899, số IMEI 2: 869511067854881. *(Vật chứng đã được giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/12/2025).*

- Truyên trả cho ông Hoàng Phi L1 và Phạm Thị Hồng H1: 01 (Một) xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ, BKS: 43S9-6591, số khung: RLCS5C6107Y109140, số máy: 5C61109140, dung tích xilanh 110 cm^3, loại mô tô hai bánh đứng tên Nguyễn Văn P1. *(Vật chứng đã được giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/12/2025).*

- Tuyên trả cho bị cáo Lê Quốc H: Số tiền 1.530.000 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng), nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. *(Đang tạm giữ tại số tài khoản 3949.0.09128710.0000 Kho bạc nhà nước khu vực XIII-Đà Nẵng).*

- Đối với 06 (Sáu) đĩa DVD chứa nội dung ghi âm, ghi hình về việc hỏi cung các bị cáo tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc các bị cáo Lê Quốc H, Hoàng Thị Hàn V1, Phạm Quang S, Nguyễn Văn T1, Trần Vĩnh T2 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng y) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các cơ quan tiến hành tố tụng;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Công an thành phố Đà Nẵng (PV06);*
- *Trại tạm giam số 2-CATP Đà Nẵng;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ALăng Ping